

# MỘT SỐ ĐẶC ĐIỂM TÂM LÝ XÃ HỘI CỦA NÔNG DÂN ĐỐI VỚI SỰ PHÁT TRIỂN NGÀNH NGHỀ Ở MỘT VÙNG NÔNG THÔN

KHUẤT THU HỒNG

Qua quá trình nghiên cứu một số công trình khoa học trực tiếp hoặc gián tiếp về tâm lý nông dân Việt Nam, chúng tôi rút ra một nhận xét” Một đặc điểm tâm lý xã hội của nông dân ở vùng đồng bằng Bắc Bộ nhất là ở những vùng độc canh lúa còn mang nặng những dấu ấn của hệ tư tưởng phong kiến và tâm lý xã hội truyền thống. việc đổi mới tư duy kinh tế sẽ phát huy được mặt tích cực của những đặc điểm tâm lý xã hội nói trên song cũng sẽ gặp phải sức công phá mãnh liệt của những mặt tiêu cực, những tàn dư hủ lậu. Do vậy, chúng tôi cho rằng việc phát triển ngành nghề ở nông thôn sẽ gặp nhiều trở ngại do những khía cạnh tiêu cực của tâm lý xã hội gây ra. Ở nơi nào mà những tàn dư của tâm lý xã hội cũ còn nhiều thì nơi đó sẽ gặp nhiều khó khăn hơn trong việc vượt ra khỏi lối mòn độc canh trồng lúa để bước chân vào các ngành nghề mới. Kết quả khảo sát ở xã Đại Đồng, huyện Thạch Thất, ngoại thành Hà Nội tháng 7 năm 1988 đã bước đầu khẳng định quan điểm trên của chúng tôi.

Làng Đại Đồng có vị trí thuận lợi nhất so với các làng khác trong huyện Thạch Thất. Trong một vùng bán sơn địa, lại là một xã hoàn toàn là đồng bằng, có diện tích canh tác lớn, đất đai Đại Đồng thuộc vào loại tốt nhất huyện. Làng nằm dọc theo đường quốc lộ 21B Hà Đông – Sơn Tây (cách Sơn Tây 9 km), cách Hà Đông 30 km và quốc lộ 11A Hà Nội – Sơn Tây (cách Hà Nội 33km). Như vậy Đại Đồng có rất nhiều thuận lợi để phát triển kinh tế và văn hóa. Mặc dù vậy, ở đây, người ta chỉ trồng lúa. Những cố gắng của ban lãnh đạo xã đưa ngành nghề vào đều gặp thất bại, với số dân khá lớn (6692 người năm 1987) trên một diện tích canh tác không lớn (120 ha, trong đó diện tích trồng lúa là 360ha) bình quân chưa đến 7 sào/ 1 lao động. Đại Đồng rất cố gắng để đáp ứng nhu cầu lương thực của mình, ứng của mình, song mức ăn bình quân chỉ đạt 15 – 17 kg thóc/người trong một tháng. Ngoài ra có dự trữ song không đáng kể.

Người Đại Đồng trồng lúa giỏi vào loại nhất nhì trong huyện (năng suất lúa năm cao nhất là 11 tấn/ha, năm thấp nhất là 5 – 7 tấn /ha) mà cũng chưa xây dựng được cuộc sống tạm đủ về vật chất và tinh thần. Nguyên nhân cơ bản ở đây là hiện tượng thừa nhân lực. Đối với thôn Bắc Bộ hiện nay, cách giải quyết hữu hiệu nhất mở rộng ngành nghề, phát triển tiểu thủ công nghiệp, thu hút nhân công, kích thích sức sản xuất. Về mặt lý thuyết chúng ta đều thấy rằng quan điểm trên đúng đắn và hợp lý. Song thực tế ở Đại Đồng cho thấy rằng vấn đề hoàn toàn không đơn giản.

Trên tổng số 2300 lao động chỉ có 200 người làm các ngành phụ như gạch, ngói, vôi, sành, ren vơ ni (1987). Riêng về làm sành, năm 1987, hợp tác xã đã lỗ 1 triệu đồng. Bên cạnh những nguyên nhân khách quan có cả nguyên nhân chủ quan cho thấy rằng ngay cả những người chủ trương đưa nghề phụ vào vẫn chưa thoát khỏi sự chi phối của các yếu tố tâm lý, ngại đổi mới. Có nhiều sự kiện chứng tỏ rằng hợp tác xã chưa thật sự gắn bó với tiểu thủ công nghiệp, quan điểm coi tiểu thủ công nghiệp chỉ là

ngành sản xuất phụ, được chăng hay chớ vẫn được một số đông ủng hộ. Mặc dù vậy hợp tác xã đã rất cố gắng để phát triển tiểu thủ công nghiệp. Hàng năm họ chỉ từ 30 đến 40% tổng chi cho sản xuất để phát triển ngành nghề. Hợp tác xã còn cử người đi học ở các địa phương có nghề truyền thống hoặc đón giáo viên về dạy, thế nhưng ngành nghề vẫn giữ vị trí rất thấp.

Qua điều tra, chúng tôi thấy định hướng giá trị truyền thống vẫn còn hết sức đậm nét trong bà con nông dân ở đây là nguyên nhân sâu xa thực trạng trên.

Nhiều người được hỏi đã trả lời rất muốn làm thêm nghề khác song con số thực tế cho thấy rằng chỉ có 4,5% số học giành ưu tiên cho đầu tư phát triển nghề phụ. Ở đây yếu tố tâm lý đặc trưng của nông dân hiện lên khá rõ. Họ rất ngại mở hầu bao cho những cái mà họ chưa quen làm. Mặc dù biết người nơi khác đã làm và làm tốt (ngay trong huyện có những sản xuất tiểu thủ công nghiệp nổi tiếng) nhưng bản thân họ không đủ tự tin để xuất vốn. Người nông dân ở đây chỉ trông vào cây lúa và không muốn nghĩ gì nữa, lối mòn có sẵn, cứ thế mà đi. Họ sợ không chắc chắn của cái mới cho dù cái mới có hấp dẫn nhưng cứ theo cái cũ cho chắc ăn, dù là ăn ít. Tâm lý lo sợ đổ bể, sợ bị cô lập đã gây trở ngại cho cách làm ăn mạnh bạo, sáng tạo. Những thỏa mãn về nhu cầu tối thiểu với tâm lý của người sản xuất nhỏ ngại nghĩ, ngại thay đổi đã hạn chế họ tiếp cận với cái mới, bó hẹp hoạt động của họ trong khuôn thước vốn có hàng nghìn đời.

Để làm rõ nguyên nhân gây cản trở cho việc phát triển ngành nghề ở Đại Đồng, trong phiếu phỏng vấn, chúng tôi đã đưa ra những câu hỏi như “Địa phương ta có nhiều thuận lợi mở rộng ngành nghề như giao thông thuận lợi, nhân lực dồi dào, đủ vốn, gần các xã có nghề truyền thống nhưng vì sao cho đến nay ngành nghề vẫn phát triển chậm chạp và có nguy cơ bị xóa bỏ?”. Phần lớn các câu trả lời đều xoay quanh các lý do: “chẳng có ai làm nên chúng tôi không dám đi đâu”, “sợ lúc xôi hỏng bỏng không lại bị chê cười”, “có một ít dự trữ lại đem đầu tư cho ngành nghề nhỡ hỏng thì tiếc lắm” v.v... Ở đây chúng tôi thấy tâm lý “nghe ngóng”, “chờ đợi xem sao” rồi mới làm theo rất rõ nét. Nhưng nếu chưa có người mạnh dạn đi trước, đi đâu thì lấy ai dám làm theo? Một điều đáng chú ý nữa là trong khi ruộng ít, nhân lực thừa nhưng bà con lại thường trả lời là không có thời gian để làm nghề phụ và đa số thanh niên ở đây rất ngại làm nghề thủ công. Thật ra trở ngại chính là tâm lý ư nhân của nông dân chứ không phải là thời gian. Các ngành nghề tiểu thủ công nghiệp không đòi hỏi những khoảng thời gian quy định như làm ruộng, cũng ít phụ thuộc vào thời tiết vốn là điều kiện số một của nghề nông. Sản phẩm thủ công nghiệp có thể được làm ra vào bất cứ thời gian nào trong ngày, trong bất cứ hoàn cảnh thời tiết nào. Nhưng đã quen với nề nếp sinh hoạt cũ bà con ở đây rất khó chấp nhận cách làm việc triền miên của nghề thủ công và sự bẽ bọ của nó. Qua phỏng vấn một số người lớn tuổi đã từng công tác ở xã hàng chục năm, chúng tôi thấy rằng một bất lợi nữa cho sự phát triển ngành nghề ở đây là tâm lý nóng vội: họ muốn làm gì cũng phải biết hiệu quả ngay lập tức. Để sản phẩm thủ công nghiệp trở thành hàng hóa phải có một quá trình nâng dần tay nghề đến trình độ kỹ năng, kỹ xảo. Như vậy làm sao có thể biết được hiệu quả ngay được? Muốn khắc phục điều này, cần phải có công tác tuyên truyền động viên bền bỉ để dần dần tạo ra được một thói quen mới trong nề nếp làm các nghề thủ công. Khi trả lời về thứ tự ưu tiên những nghề có hiệu quả kinh tế và những nghề được mọi người kính trọng thì 100% người đã được hỏi đã đặt nghề nông lên vị trí số 1 chỉ có hơn 20% *qui thêm* nghề thủ công (xin lưu ý là *qui thêm* chứ không *quí nhất*).

Rõ ràng thứ tự, vị trí của các nghề trong bảng giá trị nghề nghiệp truyền thống ở đây không hề thay đổi qua bao biến đổi của một chặng dài lịch sử.

Trong điều kiện đất chật, người đông mà nông dân chỉ biết làm ruộng và chỉ thích làm ruộng thì làm sao cho tất cả đủ ăn, đủ mặc, chưa nói đến những nhu cầu khác. Cũng có thể đến một lúc nào đó chúng ta sẽ phải lo lắng về việc ít người muốn làm ruộng như điều lo ngại của một số nước phát triển hiện nay. Nhưng hiện nay số người chỉ biết và chỉ muốn làm ruộng trên diện tích canh tác đã thu hẹp đến thức gay gắt thì lại là điều đáng ngại. Theo chúng tôi một trong những nguyên nhân chủ yếu của hiện trạng này lại là sự phát triển rất chậm của nhu cầu trong đời sống của người nông dân, tâm lý ưa nhàn, lo sợ đổ bể, tâm thế “dễ làm, khó bỏ” và những tàn dư của nếp tư duy trì trệ đã tạo nên một vòng kim tạo sự phát triển của nhu cầu. Nhu cầu của người nông dân vốn dĩ nghèo nàn lại càng bị hạn chế bởi trình độ phát triển kinh tế. Đồng thời, chính là vì nhu cầu không phát triển mạnh cũng lại là nguyên nhân làm cho sản xuất sẽ dậm chân tại chỗ. Nền độc canh lúa và nhu cầu “ăn chắc, mặc bền” ở một khía cạnh nào đó chính là sức trì kéo sự phát triển hiện nay. Tâm lý yên tâm, thỏa mãn với cái hiện có cho dù là hết sức nghèo nàn hạn hẹp xuất phát từ hệ thống nhu cầu không phát triển đã củng cố cho sự bằng lòng với việc tự đóng khung vào trong độc canh lúa, ngại thử thời vận trên những ngành nghề phụ xa lạ với tập quán, thói quen muôn thuở. Cũng chính vì vậy mà người nông dân Đại Đồng chưa thật sự gắn bó với các ngành nghề khác mà chỉ đầu tư toàn bộ sức người, sức của cho cây lúa.

Định hướng giá trị hôn nhân cũng bị chi phối bởi tâm lý mãn nguyện, quen thuộc trong giới hạn “trâu ta ăn cỏ đồng ta”. Thanh niên ở đây trừ những người đi thoát ly một phần do tự bằng lòng với mình, một phần do e ngại sự xa lạ, mới mẻ hầu như không lấy vợ lấy chồng nơi khác mà chỉ kết hôn với người cùng làng. Người ta cho rằng có kém cỏi mới lấy người thiên hạ. Ngoài những ảnh hưởng về mặt sinh học và văn hóa xã hội, hiện tượng này còn gây trở ngại cho việc du nhập cách làm ăn mới, cho sự trao đổi ngành nghề. Làng luôn luôn bị khép kín trong lũy tre của mình.

Dư thừa nhân công chiếm tới 1/3 số nhân khẩu, thế nhưng bà con nông dân sẵn sàng cho con em mình đi bất cứ đâu, làm bất cứ việc gì thứ không theo hướng kiếm công ăn việc làm tại chỗ. Có những người đã thoát ly hàng chục năm thì trở về vẫn bị ảnh hưởng trong cách nghĩ của bà con ở đây. Trong nhà thừa ra đến 3 – 4 lao động trẻ khỏe, mà họ không biết giải quyết thế nào. Muốn làm nghề thủ công lại sợ thất thu mà ở nông thôn những tin đồn về sự làm ăn thua thiệt thường tan rất nhanh), trong làng chưa có ai làm thì mình cũng không dám đi đâu, nếu thắng thì cũng chẳng giữ để làm một mình được, mà thua chắc chắn sẽ bị chê cười. Thế mới biết tâm lý do sợ đổ bể, tâm thế “dễ làm, khó bỏ” của người nông dân còn chi phối họ mạnh đến thức họ thà chịu xa con em, người thân còn hơn “liều” làm cái mới mà được đoàn tụ cả nhà.

Qua một cuộc khảo sát ban đầu chúng tôi không có tham vọng rút ra những nhận định tổng quát về tâm lý nông dân nói chung song đã có thể khẳng định sự tồn tại của một số đặc điểm tâm lý xã hội đang gây trở ngại cho sự mở rộng ngành nghề ở một vùng nông thôn.

Do vậy muốn sản xuất tiểu thủ công nghiệp được mở rộng có hiệu quả ở nông thôn, chúng ta phải tạo ra những thay đổi căn bản trong tư duy, tạo ra cơ sở tâm lý xã hội thuận lợi cho việc đón nhận ngành nghề mới.

Xã hội học còn có sự đóng góp hiệu quả vào việc hoàn thành nhiệm vụ khó khăn này.